TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 480/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 29 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số: 256/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thụy Liên P, sinh năm 1983.
Địa chỉ : Đường N, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh.
Và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.
Địa chỉ : Đường L, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 4 Điều 397; khoản 1 và khoản 2 Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 55, 57, 58,110, 116, 117 và 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 36 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 05 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành Ngày 00 tháng 01 năm 1900 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Nguyễn Thụy Liên P, sinh năm 1983.
Địa chỉ : Đường N, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Đường L, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Liên P và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn (Bà P và ông T kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 196/KH, quyển số 01/2005 do UBND phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2005).

- Về con chung: Bà P và ông T khai nhận có 2 con chung tên Nguyễn Phương Q, sinh ngày 25/7/2005 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 25/7/2005. Bà P và ông T thỏa thuận sau ly hôn bà P trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung, ông T cấp dưỡng nuôi 2 con chung, mỗi con

là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng thực hiện vào ngày 7 hàng tháng và bắt đầu vào tháng 6 năm 2018 cho đến khi mỗi con thành niên.

Địa điểm thi hành: Tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con đúng hạn thì hàng tháng ông T phải chịu thêm mức lãi xuất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà P và ông T không có.

- Về nợ chung: Bà P và ông T khai không có.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thụy Liên P và ông T chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển toàn bộ tiền tạm ứng án phí bà P và ông T đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007994 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thành lệ phí. Bà P, ông T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Văn Đức